

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Quang Dương và bà Lê Thị Thuý Vân.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2026/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1985; số CCCD: 045185000143 cấp ngày 23/9/2025; địa chỉ: đường N, khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: ông Phan Văn T1, sinh năm 1982; số CCCD: 045082001450; địa chỉ: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2025; đơn trình bày ý kiến bổ sung ngày 03/4/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày như sau: bà Trần Thị Thùy T và ông Phan Văn T1 yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/2011, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà T, ông T1 sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sống chung với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng cứ lặp đi lặp lại làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt dẫn đến đổ vỡ. Từ tháng 11/ 2021, vợ chồng bà T không sống chung với nhau nữa, bà T cùng hai con trở về Quảng Trị sinh sống. Hiện tại, ông T1 sinh sống với bố mẹ ông T1 ở thôn A, xã T còn bà T cùng hai con sinh sống ở phường Q cho đến nay. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài được nên bà T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: vợ chồng bà T và ông T1 có hai con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 11/01/2013 và cháu Phan Minh Q, sinh ngày 08/10/2017, hiện nay cả

hai cháu N và Q đang ở với bà T. Nếu ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu. Yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi cả hai cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/cháu/tháng).

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 20/01/2026, bị đơn ông Phan Văn T1 trình bày: trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng ông T1, bà T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thỉnh thoảng vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau. Hiện nay vợ chồng ông T1, bà T không sống chung với nhau nữa, ông T1 hiện đang sinh sống tại thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị. Bà T xin ly hôn thì ông T1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng ông T1 và bà T và có 02 người con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 11/01/2013 và cháu Phan Minh Q, sinh ngày 08/10/2017, hiện nay cả hai cháu N và Q đang ở với bà T. Ly hôn, ông T1 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phan Minh N, giao cháu Phan Minh Q cho bà T chăm sóc và nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn T1 vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Luật Hôn nhân gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T, xử cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn ông Phan Văn T1. Về con chung: giao cả hai cháu Phan Minh N, sinh ngày 11/01/2013 và cháu Phan Minh Q, sinh ngày 08/10/2017 cho bà Trần Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; buộc ông Phan Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi hai cháu N và Q mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về án phí: bà Trần Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và ông Phan Văn T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ngày 05 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T và bị đơn ông Phan Văn T1 theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn T1 cư trú tại thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Phan Văn T1, ông T1 cũng đã có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án vào các ngày 30/01/2026 và 09/02/2026, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên tại các phiên họp và hòa giải ông T1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có sự chứng kiến của bà T và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T1 theo đúng quy định. Ngày 06/4/2026, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho ông T1 theo đúng quy định. Ngày 24/4/2026, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng bị đơn ông Phan Văn T1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 14/5/2026 xét xử lại vụ án. Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, bị đơn ông Phan Văn T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thùy T và ông Phan Văn T1 yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, cưới nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/2011, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thỉnh thoảng vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau, mâu thuẫn vợ chồng cứ lặp đi lặp lại làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt dẫn đến đổ vỡ. Năm 2021 vợ chồng bà T, ông T1 ly thân, hiện tại ông T1 về sinh sống với bố mẹ ông T1 ở thôn A, xã T; còn bà T cùng hai con sinh sống ở phường Q cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, thỉnh thoảng ông T1 cũng có đến thăm con cái. Ngày 03/4/2026, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 tại thôn A, xã T thì được biết: trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng bà T, ông T1 hiện đã sống ly thân với nhau. Qua xem xét đơn ly hôn của bà T và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn với ông Phan Văn T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà T và ông T1 có 02 người con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 11/01/2013 và cháu Phan Minh Q, sinh ngày 08/10/2017, từ năm 2021 đến nay cả hai cháu N và Q ở với bà T. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu. Yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi cả hai cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/cháu/tháng), kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cả hai cháu N và Q thành niên và có khả năng lao động. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 20/01/2026, ông T1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phan Minh N, giao cháu Phan Minh Q cho bà T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con cho ai trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là xem xét đến điều

kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hai cháu N và Q đã sống chung với bà T nhiều năm nay, do bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Cháu N hiện đang học tại trường THCS T2 và cháu Q hiện đang học tập tại trường Tiểu học N1, phường Q. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu N và cháu Q cũng như tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên thì cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Bên cạnh đó bà T hiện có thu nhập và nơi ở ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần và bảo đảm việc học hành cho cả hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần giao cả hai cháu Phan Minh N và Phan Minh Q cho bà Trần Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T: bà T yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi cả hai cháu Phan Minh N và Phan Minh Q mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/cháu/tháng). Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N và cháu Q. Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng mà bà T yêu cầu đối với ông T1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận. Do đó, buộc ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu N và cháu Q mỗi tháng là 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu N và cháu Q đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Ông T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này theo quy định tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: bà Trần Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và ông Phan Văn T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn ông Phan Văn T1.

- Về con chung: giao hai cháu Phan Minh N, sinh ngày 11/01/2013 và cháu Phan Minh Q, sinh ngày 08/10/2017 cho bà Trần Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phan Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu cả hai cháu Phan Minh N và Phan Minh Q mỗi tháng là 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu N và cháu Q đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002648 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Ông Phan Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 6 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Hải Lăng;
- Công an xã Triệu Bình;
- Công an phường Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Phan Đăng Khoa